

thực hiện theo chế độ hiện hành đối với lĩnh vực hành chính sự nghiệp.

Công tác kiểm toán thực hiện theo đúng quy định tại Hiệp định và nguyên tắc của nhà tài trợ.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các khoản kinh phí đã tạm ứng từ khi Dự án có hiệu lực đến thời điểm hiệu lực của Thông tư liên tịch này được phép thanh toán theo các mức chi cụ thể của Thông tư liên tịch.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thứ trưởng

ĐẶNG HUỲNH MAI

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 10/2003/TT-BLĐTBXH
ngày 18/4/2003 hướng dẫn việc
thực hiện chế độ bồi thường và**

trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Thi hành Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12 /2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động; sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan có liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ bao gồm:

1. Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sau:

a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm: doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh; doanh nghiệp hoạt động công ích; doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang;

b) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân;

c) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài;

d) Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác;

e) Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác, lực lượng vũ trang; kể cả các tổ chức, đơn vị được phép hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, các hội quần chúng tự trang trải về tài chính;

g) Cơ sở bán công, dân lập, tư nhân thuộc các ngành văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, thể dục thể thao và các ngành sự nghiệp khác;

h) Trạm y tế xã, phường, thị trấn;

i) Cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác;

k) Các tổ chức khác có sử dụng lao động là những tổ chức chưa quy định tại điểm 1 này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức.

3. Người lao động, xã viên làm việc và hưởng tiền công theo hợp đồng lao động trong các hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

4. Người lao động quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3 Mục này bao gồm cả người học nghề, tập nghề để làm việc tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cũng thuộc đối tượng thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

II. CHẾ ĐỘ BỒI THƯỜNG, TRỢ CẤP

1. Chế độ bồi thường:

a) Tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp theo quy định dưới đây làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết thì được bồi thường:

- Tai nạn lao động xảy ra do tác động bởi các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong lao động gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong trong quá trình lao động gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động (kể cả thời gian giải quyết các nhu cầu cần thiết trong thời gian làm việc theo Bộ Luật Lao động quy định như: nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho con bú, đi vệ sinh, thời gian chuẩn bị và kết thúc công việc).

- Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do các yếu tố điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động tới người lao động theo danh mục các loại bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (Phụ lục 1).

b) Điều kiện để người lao động được bồi thường:

- Đối với tai nạn lao động:

Người lao động bị tai nạn lao động theo quy định tại khoản a điểm 1 nêu trên nếu nguyên nhân tai nạn lao động xảy ra do lỗi của người sử dụng lao động theo kết luận của biên bản điều tra tai nạn lao động.

Việc bồi thường được thực hiện từng lần. Tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện bồi thường lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

- Đối với bệnh nghề nghiệp:

Người lao động bị bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản a điểm 1 nêu trên được bồi thường theo kết luận của biên bản kết luận của cơ quan

pháp y hoặc của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền trong các trường hợp:

+ Bị chết do bệnh nghề nghiệp khi đang làm việc hoặc trước khi chuyển làm công việc khác, trước khi thôi việc, trước khi mất việc, trước khi nghỉ hưu.

+ Thực hiện khám giám định bệnh nghề nghiệp định kỳ (theo quy định của Bộ Y tế) để xác định mức độ suy giảm khả năng lao động.

Việc bồi thường bệnh nghề nghiệp được thực hiện từng lần theo quy định sau:

Lần thứ nhất căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động lần khám đầu và sau đó kể từ lần thứ hai trở đi căn cứ vào mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng lên để bồi thường phần chênh lệch mức (%) suy giảm khả năng lao động tăng hơn so với lần trước liền kề.

c) Mức bồi thường:

Mức bồi thường tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp theo quy định tại khoản b nêu trên được tính như sau:

- Ít nhất bằng 30 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10% sau đó nếu bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% thì cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có).

Cách tính mức bồi thường:

- Cách tính mức bồi thường đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% được tính theo công thức dưới đây hoặc tra theo bảng tính mức bồi thường, trợ cấp theo mức

suy giảm khả năng lao động từ 5% đến tử vong (Phụ lục 2).

$$T_{bt} = 1,5 + \{(a-10) \times 0,4\}$$

Trong đó:

T_{bt}: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: tháng lương và phụ cấp lương nếu có);

1,5: Mức bồi thường khi suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%;

a: Tỷ lệ (%) suy giảm khả năng lao động của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

0,4: Hệ số bồi thường khi suy giảm khả năng lao động tăng 1%.

Ví dụ:

Ông A, bị bệnh nghề nghiệp, sau khi giám định lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức bồi thường được tính như sau:

Mức bồi thường lần thứ nhất cho ông A là:

$$T_{bt} = 1,5 + \{(15-10) \times 0,4\} = 3,5 \text{ (tháng lương và phụ cấp lương nếu có).}$$

Định kỳ, ông A giám định sức khỏe lần thứ hai mức suy giảm khả năng lao động là 35% (mức suy giảm khả năng lao động đã tăng hơn so với lần thứ nhất là 20%).

Mức bồi thường lần thứ hai cho ông A là:

$$T_{bt} = 20 \times 0,4 = 8,0 \text{ (tháng lương và phụ cấp lương nếu có).}$$

2. Chế độ trợ cấp:

a) Người lao động bị tai nạn lao động trong các trường hợp sau thì được trợ cấp:

- Tai nạn lao động theo quy định tại khoản a điểm 1 nêu trên nhưng do lỗi trực tiếp của người lao động theo kết luận của Biên bản điều tra tai nạn lao động;

- Tai nạn được coi là tai nạn lao động là tai nạn xảy ra đối với người lao động khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở hoặc tai nạn do những nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp rủi ro khác gắn liền với việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ lao động hoặc không xác định được người gây ra tai nạn xảy ra tại nơi làm việc.

Việc trợ cấp được thực hiện từng lần. Tai nạn lao động xảy ra lần nào thực hiện trợ cấp lần đó, không cộng dồn các vụ tai nạn đã xảy ra từ các lần trước đó.

b) Mức trợ cấp:

Mức trợ cấp tai nạn lao động được tính như sau:

- Ít nhất bằng 12 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) đối với người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc chết do tai nạn lao động;

- Ít nhất bằng 0,6 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) đối với người bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 10%, nếu bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% đến dưới 81% thì theo công thức dưới đây hoặc tra bảng tính mức bồi thường, trợ cấp theo tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 5% đến tử vong (Phụ lục 2).

Cách tính mức trợ cấp:

(Như tính mức bồi thường và nhân kết quả tính mức bồi thường với 0,4).

$$Ttc = Tbt \times 0,4.$$

Trong đó:

Ttc: Mức trợ cấp cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: tháng lương và phụ cấp lương nếu có).

Tbt: Mức bồi thường cho người bị suy giảm khả năng lao động từ trên 10% trở lên (đơn vị tính: tháng lương và phụ cấp lương nếu có);

Ví dụ:

Ông B, bị tai nạn lao động (nguyên nhân: lỗi trực tiếp do ông B đã vi phạm quy định về an toàn), sau khi giám định lần thứ nhất xác định mức suy giảm khả năng lao động là 15%. Mức trợ cấp được tính như sau:

Mức trợ cấp lần thứ nhất cho ông B là:

$$Ttc = Tbt \times 0,4 = 3,5 \times 0,4 = 1,4 \text{ (tháng lương và phụ cấp lương nếu có).}$$

Lần thứ 2 ông B bị tai nạn xảy ra khi đi từ nơi làm việc về nơi ở (tai nạn được coi là tai nạn lao động), sau khi giám định sức khỏe lần thứ hai mức suy giảm khả năng lao động là 20%.

Mức trợ cấp lần thứ hai cho ông B là:

$$Ttc = 5,50 \times 0,4 = 2,20 \text{ (tháng lương và phụ cấp lương nếu có).}$$

3. Các mức bồi thường, trợ cấp theo quy định là tối thiểu, Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ở mức cao hơn.

4. Tiền lương làm căn cứ tính tiền bồi thường hoặc trợ cấp là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi tai nạn lao động xảy ra hoặc trước khi được xác định bị bệnh nghề nghiệp, gồm lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ (nếu có) theo quy định hiện hành.

Trường hợp thời gian làm việc không đủ 6 tháng thì lấy mức tiền lương của tháng liền kề hoặc tiền lương theo hình thức trả lương tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động, xác định bị bệnh nghề nghiệp để tính bồi thường, trợ cấp.

5. Các đối tượng được bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo Thông tư này vẫn được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về tai

nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (nếu có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) quy định tại Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội.

III. HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC

1. Lập hồ sơ và thủ tục:

a) Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập hồ sơ đối với người bị tai nạn lao động theo quy định sau:

- Biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định hiện hành của pháp luật (Phụ lục 3 và Phụ lục 4);

- Biên bản giám định (văn bản xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do tai nạn lao động) của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền.

- Quyết định bồi thường, trợ cấp của người sử dụng lao động (Phụ lục 5).

b) Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập hồ sơ đối với người bị bệnh nghề nghiệp theo quy định sau:

- Hồ sơ bệnh nghề nghiệp của người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật (Phụ lục 6);

- Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan pháp y hoặc biên bản giám định xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do bệnh nghề nghiệp của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền;

- Quyết định bồi thường của người sử dụng lao động (Phụ lục 7).

c) Hồ sơ được lập thành 3 bản:

+ Người sử dụng lao động giữ một bản;

+ Người lao động (hoặc thân nhân của người

lao động bị chết) bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp giữ một bản;

+ Một bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương nơi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có trụ sở chính.

2. Thời hạn thực hiện bồi thường, trợ cấp:

- Quyết định bồi thường, trợ cấp của người sử dụng lao động đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải được hoàn tất trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày có biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa hoặc của cơ quan pháp y;

- Tiền bồi thường, trợ cấp phải được thanh toán một lần cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày ra quyết định của người sử dụng lao động.

3. Chi phí bồi thường, trợ cấp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đối với các cơ quan hành chính, sự nghiệp được tính vào kinh phí thường xuyên của cơ quan. Đối với hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm chi bồi thường, trợ cấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

- Tăng cường các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, biện pháp phòng ngừa, tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức để hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có thể xảy ra đối với người lao động.

- Thường xuyên chăm lo sức khỏe đối với người lao động, khám sức khỏe định kỳ; nếu phát hiện trường hợp bị mắc bệnh nghề nghiệp phải thực hiện điều trị, điều dưỡng phục hồi chức năng

đối với người bị bệnh. Tổ chức khám, đưa đi giám định mức độ suy giảm khả năng lao động; thực hiện bồi thường cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp (nếu có).

- Thực hiện đúng các chính sách, quy định về bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và trợ cấp tai nạn lao động cho người lao động hoặc thân nhân của người lao động bị chết vì tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện định kỳ báo cáo tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 6 tháng và một năm theo báo cáo chung cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động địa phương nơi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có trụ sở chính.

2. Các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Liên đoàn Lao động các địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động và các quy định tại Thông tư này, nếu phát hiện sai sót thì hướng dẫn người sử dụng lao động chấp hành đúng quy định, nếu vi phạm nghiêm trọng thì phải xử lý nghiêm minh.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện Thông tư này đến từng doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý.

4. Các đối tượng đã xác định bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, thì được hưởng chế độ bồi thường và trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

5. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 19/LĐTBXH-TT ngày 02/8/1997 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành về hướng dẫn

việc thực hiện chế độ bồi thường cho người bị tai nạn lao động.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

Phụ lục 1

DANH MỤC 21 BỆNH NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

(ban hành kèm theo các Thông tư liên bộ số 08/TTLB ngày 19/5/1976, Thông tư liên bộ số 29/TT-LB ngày 25/12/1991 và Quyết định số 167/BYT-QĐ ngày 04/02/1997 của Bộ Y tế).

Nhóm I: Các bệnh bụi phổi và phế quản

1.1. Bệnh bụi phổi - Silic nghề nghiệp;

1.2. Bệnh bụi phổi Atbet (Amiăng);

1.3. Bệnh bụi phổi bông;

1.4. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp.

Nhóm II: Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp

2.1. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì;

2.2. Bệnh nhiễm độc benzen và các hợp chất đồng đẳng của benzen;

2.3. Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất của thủy ngân;

2.4. Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất của mangan;

2.5. Bệnh nhiễm độc TNT (trinitro toluen);

2.6. Bệnh nhiễm độc asen và các chất asen nghề nghiệp;

2.7. Nhiễm độc chất Nicotin nghề nghiệp;

2.8. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp.

Nhóm III: Các bệnh nghề nghiệp do yếu tố vật lý

3.1. Bệnh do quang tuyến X và các chất phóng xạ;

3.2. Bệnh điếc do tiếng ồn;

3.3. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp;

3.4. Bệnh giảm áp mạn tính nghề nghiệp.

Nhóm IV: Các bệnh da nghề nghiệp

4.1. Bệnh sạm da nghề nghiệp;

4.2. Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc.

Nhóm V: Các bệnh nhiễm khuẩn nghề nghiệp

5.1. Bệnh lao nghề nghiệp;

5.2. Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp;

5.3. Bệnh do xoắn khuẩn *Leptospira* nghề nghiệp.

Phụ lục 2

BẢNG TÍNH MỨC BỒI THƯỜNG TỪ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 về việc hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
1	Từ 5 đến 10	1,50	0,60
2	11	1,90	0,76
3	12	2,30	0,92
4	13	2,70	1,08
5	14	3,10	1,24
6	15	3,50	1,40
7	16	3,90	1,56
8	17	4,30	1,72
9	18	4,70	1,88
10	19	5,10	2,04
11	20	5,50	2,20

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
12	21	5,90	2,36
13	22	6,30	2,52
14	23	6,70	2,68
15	24	7,10	2,84
16	25	7,50	3,00
17	26	7,90	3,16
18	27	8,30	3,32
19	28	8,70	3,48
20	29	9,10	3,64
21	30	9,50	3,80
22	31	9,90	3,96
23	32	10,30	4,12
24	33	10,70	4,28
25	34	11,10	4,44
26	35	11,50	4,60
27	36	11,90	4,76
28	37	12,30	4,92
29	38	12,70	5,08
30	39	13,10	5,24
31	40	13,50	5,40
32	41	13,90	5,56
33	42	14,30	5,72
34	43	14,70	5,88
35	44	15,10	6,04
36	45	15,50	6,20
37	46	15,90	6,36
38	47	16,30	6,52
39	48	16,70	6,68
40	49	17,10	6,84
41	50	17,50	7,00
42	51	17,90	7,16

09640253

Số thứ tự	Mức suy giảm khả năng lao động (%)	Mức bồi thường ít nhất Tbt (tháng lương)	Mức trợ cấp ít nhất Ttc (tháng lương)
43	52	18,30	7,32
44	53	18,70	7,48
45	54	19,10	7,64
46	55	19,50	7,80
47	56	19,90	7,96
48	57	20,30	8,12
49	58	20,70	8,28
50	59	21,10	8,44
51	60	21,50	8,60
52	61	21,90	8,76
53	62	22,30	8,92
54	63	22,70	9,08
55	64	23,10	9,24
56	65	23,50	9,40
57	66	23,90	9,56
58	67	24,30	9,72
59	68	24,70	9,88
60	69	25,10	10,04
61	70	25,50	10,20
62	71	25,90	10,36
63	72	26,30	10,52
64	73	26,70	10,68
65	74	27,10	10,84
66	75	27,50	11,00
67	76	27,90	11,16
68	77	28,30	11,32
69	78	28,70	11,48
70	79	29,10	11,64
71	80	29,50	11,80
72	81 đến tử vong	30,00	12,00

09640253

12. Chi phí và thiệt hại do tai nạn lao động:

- Chi phí do quỹ BHXH trả:
- Chi phí do người sử dụng lao động trả:
- Thiệt hại tài sản:

13. Biện pháp ngăn ngừa tai nạn tương tự hoặc tái diễn mà cơ sở phải thực hiện:

- Nội dung công việc:
-

- Thời gian hoàn thành:

14. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:

.....

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu (nếu có))

TRƯỞNG ĐOÀN ĐIỀU TRA TNLĐ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4

TÊN CƠ SỞ

Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày..... thángnăm.....

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG

..... (nhẹ hoặc nặng).....

(ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 03/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 26/3/1998 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế - Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam).

1. Tên cơ sở xảy ra tai nạn lao động:

- Địa chỉ:

2. Ngành quản lý:

3. Địa phương:

4. Những người tham gia điều tra (họ tên, chức vụ, cơ quan công tác của từng người):.....

5. Sơ lược lý lịch của người bị nạn:

- Họ và tên:

Nam, nữ:

Tuổi:

- Nghề nghiệp:

Năm công tác:

- Thang, bậc lương:

Tuổi nghề:

- Loại hợp đồng lao động (không xác định thời hạn; có thời hạn; thời vụ):

- Nơi làm việc:

- Hoàn cảnh gia đình:

- Đã huấn luyện KTAT hay chưa:

6. Tai nạn lao động xảy ra hồi:..... giờ..... phút, ngày.....tháng..... năm.....sau khi làm việc được:.....giờ, tại:.....

7. Diễn biến của vụ tai nạn lao động:.....

8. Tình trạng thương tích:

9. Nơi điều trị và phương pháp xử trí ban đầu:

10. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động:

11. Chi phí và thiệt hại do tai nạn lao động:

- Chi phí do quỹ BHXH trả:

- Chi phí do người sử dụng lao động trả:

09640253
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Thiệt hại tài sản:
- 12. Biện pháp ngăn ngừa tai nạn tương tự hoặc tái diễn mà cơ sở phải thực hiện:
- Nội dung công việc:
-
- Thời gian hoàn thành:
- Người có trách nhiệm thi hành:
- 13. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:
-

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA
ĐIỀU TRA TNLĐ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BCH CƠ CỞ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và
đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu (nếu có))

*** Biên bản điều tra tai nạn lao động phải được lưu giữ tại cơ sở xảy ra tai nạn lao động và cơ quan tham gia đoàn điều tra.**

Hoàn thành điều tra tai nạn lao động (kể từ khi xảy ra tai nạn lao động) trong thời hạn:

- Không quá 24 giờ đối với các vụ tai nạn lao động nhẹ;
- Không quá 48 giờ đối với các vụ tai nạn lao động nặng;
- Không quá 20 ngày đối với các vụ tai nạn lao động chết người;
- Không quá 40 ngày đối với các vụ tai nạn lao động cần phải giám định kỹ thuật để xác định nguyên nhân.

Trường hợp phải kéo dài thời gian điều tra so với quy định trên, đoàn điều tra tai nạn lao động phải báo cáo và xin phép người ra quyết định thành lập đoàn điều tra./.

Phụ lục 5

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 về việc hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

TÊN CƠ SỞ

Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày.....tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG (TRỢ CẤP) TAI NẠN LAO ĐỘNG

.....

Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động;

Căn cứ Thông tư số 10 /2003/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2003 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ biên bản điều tra tai nạn lao động số.....ngày.....tháng...năm....;

Căn cứ biên bản giám định mức độ suy giảm khả năng lao động số.....ngày.....tháng.....năm..... của

Hội đồng giám định y khoa;

Theo đề nghị của Ông, Bà trưởng phòng (chức năng, nghiệp vụ).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông, Bà.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh, nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ:.....

Cơ quan, đơn vị:.....

Bị tai nạn lao động ngày:.....

Mức suy giảm khả năng lao động:.....%

Tổng số tiền bồi thường hoặc trợ cấp:..... đồng

(Số tiền bằng chữ.....)

Nơi nhận bồi thường hoặc trợ cấp:.....

Điều 2. Các Ông, Bà trưởng phòng chức năng, nghiệp vụ..... và Ông, Bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

(Thủ trưởng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.....)

(Ký tên đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
091210253

Phụ lục 6
BỘ HỒ SƠ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

(ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 về việc hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc khám bệnh nghề nghiệp, bồi thường cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động do bị bệnh nghề nghiệp. Hồ sơ của người lao động bị bệnh nghề nghiệp bao gồm:

- Giấy giới thiệu người lao động đi khám và giám định xác định bệnh nghề nghiệp của đơn vị sử dụng lao động;

- Hồ sơ sức khỏe bao gồm: hồ sơ khám tuyển và khám định kỳ;

- Kết quả đánh giá môi trường lao động;

- Những hồ sơ bệnh án và điều trị bệnh (nếu có).

- Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan pháp y hoặc biên bản giám định xác định mức độ suy giảm khả năng lao động do bệnh nghề nghiệp của Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền.

Người lao động khi phát hiện bị bệnh nghề nghiệp phải được cách ly môi trường lao động gây bệnh nghề nghiệp để theo dõi, điều trị, điều dưỡng phục hồi chức năng và hoàn thiện hồ sơ để thực hiện chế độ bồi thường và các chế độ liên quan khác.

Hồ sơ của người bị bệnh nghề nghiệp phải có 02 tập, một tập do người sử dụng lao động quản lý, một tập do người lao động quản lý có giá trị như nhau./.

Phụ lục 7

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2003/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2003 về việc hướng dẫn việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp).

TÊN CƠ SỞ
Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH BỒI THƯỜNG BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động;

Căn cứ Thông tư số 10 /2003/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2003 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ Bộ hồ sơ bệnh nghề nghiệp của Ông, Bà.....;

Căn cứ biên bản giám định mức độ suy giảm khả năng lao động số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hội đồng Giám định y khoa hoặc Biên bản xác định người lao động bị chết do bệnh nghề nghiệp của cơ quan pháp y số.....ngày.....tháng... năm.....;

Theo đề nghị của Ông, Bà trưởng phòng (chức năng, nghiệp vụ).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ông, Bà.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh, nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ.....

Cơ quan, đơn vị.....

Bị bệnh nghề nghiệp (nêu tên loại bệnh nghề nghiệp đã mắc phải).....

Mức độ suy giảm khả năng lao động.....%

Tổng số tiền bồi thường..... đồng

(Số tiền bằng chữ.....)

Được hưởng từ ngày.....

Nơi nhận bồi thường.....

Điều 2: Các Ông, Bà trưởng phòng chức năng, nghiệp vụ..... và Ông, Bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

(Thủ trưởng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.....)

(Ký tên đóng dấu)

09622243